

Số: /2024/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**

## THÔNG TƯ

### Quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về quản lý kết cấu hạ tầng và bảo trì công trình đường sắt quốc gia.

2. Thông tư này không áp dụng đối với đường sắt tốc độ cao.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cục Đường sắt Việt Nam.
2. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.
3. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác quản lý kết cấu hạ tầng và bảo trì công trình đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư.

### ***Điều 3. Giải thích từ ngữ***

1. *Bảo trì công trình đường sắt* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường sắt theo quy định của thiết kế hoặc Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. *Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản* là doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được Thủ tướng Chính phủ giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. *Kiểm tra công trình đường sắt* là việc quan sát bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá hiện trạng công trình nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình để có biện pháp xử lý kịp thời. Công tác kiểm tra công trình đường sắt bao gồm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.

4. *Bảo dưỡng công trình đường sắt* là hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ của công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình; thay thế bộ phận, thiết bị của công trình để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn. Công tác bảo dưỡng công trình đường sắt được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình; tuần cầu, tuần đường; tổ chức gác đường ngang để bảo an toàn giao thông và trực giải quyết trở ngại thiết bị điều hành chạy tàu.

5. *Sửa chữa công trình đường sắt* là việc khắc phục, khôi phục, cải tạo hoặc thay thế những hư hỏng của bộ phận công trình, thiết bị, cấu kiện công trình hay toàn bộ công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình và an toàn giao thông vận tải đường sắt. Sửa chữa công trình đường sắt bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất:

a) *Sửa chữa định kỳ công trình đường sắt* là sửa chữa hư hỏng hoặc cải tạo, thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì và kế hoạch bảo trì được duyệt;

b) *Sửa chữa đột xuất công trình đường sắt* là sửa chữa được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

6. *Công tác khác* là nội dung được xác định theo kế hoạch bảo trì bao gồm các nhiệm vụ: kiểm định công trình; lập, thẩm tra quy trình bảo trì kết cấu cầu hạ tầng đường sắt; xây dựng, thẩm tra định mức kinh tế - kỹ thuật bảo trì công trình đường sắt; trông coi bảo quản vật tư thu hồi từ công tác bảo trì công trình đường sắt; tháo dỡ, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; lập, cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt; cắm mốc giới đất dành cho đường sắt.

7. *Cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình đường sắt* là tập hợp các thông tin về công trình và lịch sử bảo trì công trình đường sắt được cập nhật, khai thác sử dụng trên hệ thống hệ thống thông tin quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt (VNRA-MIS).

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

#### **Điều 4. Yêu cầu đối với công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt**

1. Công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và trách nhiệm phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị.

2. Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được nhà nước giao cho đối tượng quản lý và đối tượng sử dụng, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Nội dung công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt**

1. Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì, phương án giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; tổ chức lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước chi hoạt động kinh tế đường sắt.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo và quản lý chất lượng dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

3. Tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đối với kết cấu hạ tầng đường sắt.

4. Quản lý, theo dõi và tổ chức xử lý các vị trí công trình xung yếu, có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng.

5. Tổ chức lập hồ sơ, cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình đường sắt.

6. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

#### **Điều 6. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo trì công trình đường sắt**

1. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được lập theo cho từng loại công trình đường sắt, bảo đảm phù hợp với phạm vi quản lý và được cập nhật thường xuyên để phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt bao gồm hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình và hồ sơ quản lý đất dành cho đường sắt được quy định như sau:

a) Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình:

Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình thể hiện vị trí, phạm vi, quy mô; đặc tính kỹ thuật; thời gian xây dựng, sửa chữa; thời điểm kiểm tra và tình trạng kỹ thuật hiện tại của công trình;

Hồ sơ trạng thái kỹ thuật công trình được lập theo Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt gồm các nội dung chủ yếu: bản vẽ mặt bằng, mặt cắt đại diện công trình; lý lịch kỹ thuật kiểm tra theo dõi công trình và bảng tổng hợp trạng thái kỹ thuật công trình;

Bảng tổng hợp trạng thái kỹ thuật công trình được lập theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ quản lý đất dành cho đường sắt:

Hồ sơ quản lý đất dành cho đường sắt thể hiện thông tin về: phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt theo quy định của Chính phủ về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt; lối đi tự mở qua đường sắt; đường gom, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với đường bộ; công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

Trường hợp phạm vi đất dành cho đường sắt đã được cắm mốc giới, hồ sơ quản lý đất dành cho đường sắt phải cập nhật vị trí cọc mốc, chỉ giới đất, mốc lộ giới dành cho đường sắt kèm theo biên bản bàn giao mốc giới với chính quyền địa phương;

Hồ sơ quản lý đất dành cho đường sắt được lập cho từng tuyến đường sắt và theo địa giới hành chính quản lý cấp xã, huyện, tỉnh;

c) Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được cập nhật trong khoảng thời gian không quá 30 ngày kể từ khi hoàn thành công tác bảo dưỡng thường xuyên hoặc sửa chữa công trình;

2. Hồ sơ bảo trì công trình đường sắt

a) Hồ sơ bảo trì công trình đường sắt gồm tài liệu phục vụ công tác bảo trì và hồ sơ hoàn thành bảo trì được lập cho từng công trình, nhiệm vụ theo kế hoạch bảo trì được phê duyệt;

b) Tài liệu phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt gồm: kết quả điều tra trạng thái cơ bản của công trình đường sắt; kế hoạch bảo trì, phương án giá dịch vụ sự nghiệp công được phê duyệt; kết quả kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình để phục vụ công tác bảo trì;

c) Hồ sơ hoàn thành bảo dưỡng công trình gồm: phương án tác nghiệp kỹ thuật được phê duyệt; tài liệu quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình theo Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt và biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác bảo dưỡng;

d) Hồ sơ hoàn thành sửa chữa công trình được lập theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

đ) Hồ sơ hoàn thành công trình khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đối với các công trình đường sắt thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; ứng phó sự cố và cứu nạn trong lĩnh vực đường sắt;

e) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến bảo trì công trình đường sắt.

### **Điều 7. Yêu cầu đối với công tác bảo trì công trình đường sắt**

1. Bảo trì công trình đường sắt được hiện theo kế hoạch bảo trì được phê duyệt và Quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt. Những công việc được thực hiện trước khi điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch bảo trì gồm:

a) Công trình khắc phục bước 1 hậu quả thiệt hại do sự cố, thiên tai gây ra. Việc triển khai thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; ứng phó sự cố và cứu nạn trong lĩnh vực đường sắt;

b) Nhiệm vụ xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này. Việc triển khai thực hiện sau khi được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận.

2. Việc bảo trì công trình đường sắt phải bảo đảm an toàn cho người, tài sản, công trình; bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt; phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

### **Điều 8. Nội dung công tác bảo trì công trình đường sắt**

1. Nội dung bảo trì công trình đường sắt được lập thành kế hoạch bảo trì bao gồm các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình để việc khai thác sử dụng công trình đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

2. Công tác sửa chữa công trình được xác định theo thiết kế xây dựng và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Bảo dưỡng thường xuyên công trình được xác định theo phương án tác nghiệp kỹ thuật do đơn vị trực tiếp thực hiện công trình lập, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản phê duyệt.

4. Nội dung công tác kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình được xác định theo đề cương nhiệm vụ được phê duyệt và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

### **Điều 9. Đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng**

1. Công trình đường sắt ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải được tổ chức đánh giá an toàn chịu lực và an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản rà soát, xây dựng danh mục công trình đường sắt thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình gửi Cục Đường sắt Việt Nam tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo địa bàn quản lý để thống nhất danh mục công trình đường sắt phải đánh giá an toàn công trình.

3. Trình tự thực hiện đánh giá an toàn công trình, nội dung đánh giá an toàn công trình đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Trên cơ sở danh mục công trình đường sắt thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất theo quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản xây dựng nhiệm vụ đánh giá an toàn công trình đường sắt và tổng hợp trong kế hoạch bảo trì làm cơ sở để triển khai thực hiện theo quy định.

**Điều 10. Xử lý đối với công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng**

1. Trong quá trình thực hiện bảo trì công trình đường sắt, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, đơn vị trực tiếp thực hiện bảo trì công trình phải kịp thời phát hiện công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng để xử lý theo quy định.

2. Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản có trách nhiệm:

a) Quyết định biện pháp khẩn cấp và tổ chức xử lý để bảo đảm an toàn chạy tàu;

b) Tổ chức kiểm tra công trình, lập báo cáo gửi Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải và đề xuất tổ chức kiểm định chất lượng công trình (nếu cần thiết), quan trắc công trình và sửa chữa đột xuất công trình.

3. Khi phát hiện hoặc nhận được báo cáo về công trình đường sắt có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng, Cục Đường sắt Việt Nam kiểm tra, đề xuất biện pháp xử lý báo cáo Bộ Giao thông vận tải quyết định.

4. Trường hợp công trình đường sắt xảy ra sự cố trong quá trình khai thác, sử dụng, việc giải quyết sự cố thực hiện như sau:

a) Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản quyết định biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn chạy tàu; tổ chức kiểm tra công trình, lập báo

cáo gửi gửi Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải và đề xuất biện pháp xử lý;

b) Khi nhận được báo cáo về sự cố công trình đường sắt, Cục Đường sắt Việt Nam kiểm tra, đề xuất biện pháp xử lý báo cáo Bộ Giao thông vận tải quyết định.

### **Điều 11. Quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, bộ phận công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng**

1. Quan trắc, kiểm định chất lượng công trình, bộ phận công trình đường sắt trong quá trình khai thác, sử dụng được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Quan trắc công trình phục vụ công tác bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Theo yêu cầu của quy trình bảo trì công trình đường sắt;

c) Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng.

2. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản rà soát, xây dựng danh mục công trình đường sắt cần thực hiện quan trắc, kiểm định chất lượng gửi Cục Đường sắt Việt Nam tổng hợp xây dựng kế hoạch bảo trì hàng năm.

3. Cục Đường sắt Việt Nam, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản triển khai thực hiện quan trắc, kiểm định chất lượng công trình đường sắt theo kế hoạch bảo trì được phê duyệt và hợp đồng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

4. Việc thực hiện quan trắc, kiểm định chất lượng công trình đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

### **Điều 12. Áp dụng tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác bảo trì công trình đường sắt**

1. Đối với công tác bảo dưỡng công trình đường sắt:

a) Áp dụng theo các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Đối với các hạng mục công trình chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật chưa phù hợp với công nghệ, điều kiện, biện pháp thi công, việc xác định chi phí bảo dưỡng công trình đường sắt áp dụng theo nguyên tắc quy định tại Điều 5 Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

2. Đối với công tác sửa chữa công trình đường sắt: áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Chương III****TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT****Điều 13. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường sắt****1. Lập kế hoạch bảo trì công trình đường sắt:**

a) Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật của công trình đường sắt, nhu cầu vận tải trên từng tuyến đường sắt đang khai thác, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn có liên quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản lập kế hoạch bảo trì công trình đường sắt hàng năm hoặc theo kỳ kế hoạch thuộc phạm vi được giao theo phương án tính đủ trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật và phương án tối thiểu đảm bảo an toàn công trình trong quá trình khai thác;

b) Kế hoạch bảo trì công trình đường sắt xây dựng đầy đủ các thông tin gồm: tên nhiệm vụ, công trình, hạng mục công trình; đơn vị tính, khối lượng, dự kiến kinh phí thực hiện; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên;

c) Nội dung kế hoạch bảo trì công trình đường sắt bao gồm:

Bảo dưỡng thường xuyên và khối lượng vật tư, thiết bị chủ yếu bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt;

Sửa chữa công trình;

Trả nợ công tác khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đã thực hiện;

Công tác khác (nếu có);

Quản lý, giám sát thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt;

Các nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và chuẩn bị đầu tư sửa chữa công trình năm tiếp theo;

d) Thành phần hồ sơ trình kế hoạch bảo trì công trình đường sắt gồm:

Thuyết minh kế hoạch bảo trì công trình đường sắt, trong đó nêu tình trạng kỹ thuật của công trình đường sắt, nhu cầu vận tải trên từng tuyến đường sắt đang khai thác, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và phương án phân bổ chi phí;

Bảng tổng hợp kế hoạch bảo trì công trình đường sắt được lập theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

Bảng tổng hợp khối lượng bảo trì công trình đường sắt được lập theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

Hồ sơ trạng thái công trình đường sắt quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp trạng thái công trình đường sắt đã đủ thông tin trong Cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình đường sắt, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác



tài sản xác nhận nội dung này trong văn bản đề nghị làm cơ sở sử dụng thay cho hồ sơ giấy;

đ) Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản tổ chức lập kế hoạch bảo trì công trình đường sắt trình Cục Đường sắt Việt Nam trước ngày 15 tháng 6 hàng năm; Cục Đường sắt Việt Nam kiểm tra, rà soát, tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 10 tháng 7 hàng năm.

2. Tổng hợp nhu cầu bảo trì và chuẩn bị đầu tư sửa chữa công trình đường sắt

a) Trên cơ sở kế hoạch bảo trì công trình đường sắt do Cục Đường sắt Việt Nam trình, Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch nhu cầu bảo trì và tổng hợp dự toán kinh phí bảo trì công trình đường sắt vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hàng năm;

b) Trên cơ sở kế hoạch nhu cầu bảo trì được duyệt, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản lập danh mục chuẩn bị đầu tư gửi Cục Đường sắt Việt Nam tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận;

c) Danh mục chuẩn bị đầu tư các công trình sửa chữa đường sắt gồm các thông tin cơ bản: tên công trình; địa điểm xây dựng; phạm vi, quy mô đầu tư dự kiến; tổng mức đầu tư dự kiến.

3. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường sắt

a) Sau khi có thông báo của Bộ Tài chính về dự toán thu, chi ngân sách hàng năm và thông báo số dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản rà soát, cập nhật kế hoạch bảo trì công trình đường sắt phù hợp với nguồn kinh phí được thông báo; lập hồ sơ và gửi đến Cục Đường sắt Việt Nam kiểm tra, rà soát, tổng hợp trình Bộ Giao thông vận tải;

b) Thành phần hồ sơ, nội dung kế hoạch bảo trì thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;

c) Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường sắt trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Cục Đường sắt Việt Nam theo quy định.

4. Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường sắt:

a) Kế hoạch bảo trì công trình đường sắt được điều chỉnh trong quá trình thực hiện để phù hợp với tình trạng kỹ thuật thực tế của công trình đường sắt;

b) Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản lập hồ sơ điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường sắt, gửi về Cục Đường sắt Việt Nam trước ngày 01 tháng 10 hàng năm. Cục Đường sắt Việt Nam kiểm tra, rà soát, trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 10 hàng năm để xem xét, quyết định;

c) Thành phần hồ sơ, nội dung kế hoạch bảo trì điều chỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;

d) Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường sắt trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

#### **Điều 14. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường sắt**

1. Căn cứ kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và dự toán chi ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải giao, chậm nhất ngày 31 tháng 12 hàng năm, Cục Đường sắt Việt Nam ký hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công toàn bộ công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia với tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản cho năm tiếp theo liền kề theo Đề án Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2024.

##### **2. Thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt**

a) Sau khi ký hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công toàn bộ công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản lập, phê duyệt phương án tác nghiệp kỹ thuật theo từng quý và triển khai thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của mình;

b) Căn cứ kế hoạch bảo trì được phê duyệt, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản lập Phương án giá dịch vụ sự nghiệp công trình Cục Đường sắt Việt Nam thẩm định, định giá cụ thể;

c) Giá dịch vụ sự nghiệp công được định giá cụ thể là cơ sở để điều chỉnh hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, cập nhật, điều chỉnh phương án tác nghiệp kỹ thuật và tổ chức nghiệm thu hợp đồng đặt hàng theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

##### **3. Thực hiện công tác sửa chữa định kỳ công trình theo kế hoạch bảo trì được phê duyệt**

a) Đối với công trình sửa chữa công trình có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản tổ chức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng trình Cục Đường sắt Việt Nam phê duyệt. Việc triển khai công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Đối với sửa chữa công trình có chi phí dưới 500 triệu đồng, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản tổ chức lập phương án kỹ thuật - dự toán trình Cục Đường sắt Việt Nam thẩm định, phê duyệt. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản triển khai thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của mình;

##### **4. Thực hiện công tác sửa chữa đột xuất công trình chưa có trong kế hoạch bảo trì được phê duyệt**

a) Khi phát hiện công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản tổ chức kiểm tra hiện trạng công trình, thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này và lập báo cáo Bộ Giao thông vận tải cho phép sửa chữa những hư hỏng có nguy cơ làm ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu;

b) Trên cơ sở báo cáo của tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, Bộ Giao thông vận tải xem xét, cho phép tổ chức sửa chữa công trình;

c) Trên cơ sở chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải, tùy theo chi phí sửa chữa công trình dự kiến, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản tổ chức lập phương án kỹ thuật - dự toán hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng trình Cục Đường sắt Việt Nam phê duyệt;

d) Sau khi danh mục công trình được cập nhật, bổ sung vào kế hoạch bảo trì điều chỉnh, việc triển khai công trình thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Thực hiện sửa chữa, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đối với công trình đường sắt

a) Công trình khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai bước 1

Trình tự thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; ứng phó sự cố và cứu nạn trong lĩnh vực đường sắt;

Sau khi hồ sơ khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai được phê duyệt, danh mục công trình được cập nhật, bổ sung vào kế hoạch bảo trì hoặc kế hoạch bảo trì điều chỉnh làm cơ sở để thanh, quyết toán chi phí theo quy định;

b) Công trình khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai bước 2 thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Đối với các nhiệm vụ xử lý khẩn cấp sự cố công trình; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và chuẩn bị đầu tư sửa chữa công trình năm tiếp theo, trên cơ sở nội dung công việc đã thực hiện, Cục Đường sắt Việt Nam tổng hợp, báo cáo đề nghị Bộ Giao thông vận tải thực hiện phân bổ dự toán trước ngày 31 tháng 10 của năm kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

7. Bộ Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, theo dõi việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư theo quy định.

8. Việc sử dụng vốn ngoài ngân sách thực hiện bảo trì công trình đường sắt, cơ quan, tổ chức thực hiện bảo trì công trình đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 15. Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình đường sắt**

1. Công tác bảo dưỡng thường xuyên, kiểm tra, giám sát và quản lý chất lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên được quy định như sau:

a) Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản tổ chức bộ máy để tổ chức triển khai bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt; lập phương án thực hiện quản lý, giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt trình Cục Đường sắt Việt Nam chấp thuận. Nội dung phương án thể hiện đầy đủ nội dung công việc, bố trí tổ chức bộ máy, phân công trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ quản lý, giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt;

b) Đơn vị trực tiếp thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt lập phương án tác nghiệp trình tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản phê duyệt;

c) Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản triển khai bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt; tổ chức kiểm tra, giám sát và trực tiếp thực hiện quản lý chất lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên;

d) Cục Đường sắt Việt Nam quản lý chất lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên thông qua việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện của tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo phương án thực hiện quản lý, giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt.

3. Việc triển khai các công trình sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất công trình đường sắt được quy định như sau:

a) Cục Đường sắt Việt Nam là người quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với các dự án sửa chữa công trình sắt. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản thực hiện một số nhiệm vụ của chủ đầu tư theo nội dung của hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

b) Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản được sử dụng bộ máy của mình để thực hiện công tác quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng đối với các công trình sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Khi tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản sử dụng bộ máy của mình để thực hiện công tác quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng đối với các công trình sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản tổ chức xây dựng phương án triển khai thực hiện, tổ chức bộ máy và phân công trách nhiệm cho các tổ chức, đơn vị bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng và yêu cầu của hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

### **Điều 16. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình đường sắt**

1. Cục Đường sắt Việt Nam, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, các cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác bảo trì công trình đường sắt chịu trách nhiệm thực hiện quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định của Thông tư này.

2. Cục Đường sắt Việt Nam, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản phải lập hệ thống quản lý chất lượng bảo trì công trình đường sắt.

Hệ thống quản lý chất lượng, bảo trì công trình đường sắt phải có sơ đồ tổ chức phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng bộ phận.

3. Quản lý vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công tác bảo trì công trình đường sắt

a) Đối với bảo dưỡng thường xuyên: vật tư, thiết bị chủ yếu phải thực hiện thí nghiệm kiểm tra hoặc yêu cầu nhà cung cấp xuất trình đầy đủ chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra trước khi cho phép sử dụng;

b) Đối với sửa chữa công trình: việc quản lý vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

4. Nghiệm thu bảo dưỡng thường xuyên; quản lý, giám sát bảo dưỡng thường xuyên

a) Căn cứ hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phương án tác nghiệp kỹ thuật và giá cụ thể của dịch vụ sự nghiệp công, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản nghiệm thu bảo dưỡng thường xuyên; nghiệm thu công tác giám sát bảo dưỡng thường xuyên và xác nhận hoàn thành dịch vụ do mình cung cấp theo quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu và quy trình bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; lập báo cáo xác nhận hoàn thành dịch vụ và chịu trách nhiệm về khối lượng, số lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ do mình thực hiện;

b) Sau khi nghiệm thu, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản lập hồ sơ đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công, thành phần hồ sơ gồm:

Giá dịch vụ sự nghiệp công được phê duyệt hoặc điều chỉnh (nếu có);

Phương án tác nghiệp kỹ thuật được chấp thuận;

Biên bản nghiệm thu nội bộ, xác nhận hoàn thành bảo dưỡng thường xuyên giữa tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản với đơn vị trực tiếp thực hiện;

Báo cáo của tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản xác nhận hoàn thành bảo dưỡng thường xuyên; quản lý, giám sát bảo dưỡng thường xuyên;

Báo cáo kết quả thực hiện, khắc phục theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).

c) Trên cơ sở đề nghị của tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức nghiệm thu hoàn thành nhiệm vụ bảo dưỡng thường xuyên; nghiệm thu hoàn thành công tác giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên;

d) Biên bản nghiệm thu hoàn thành nhiệm vụ bảo dưỡng thường xuyên, nghiệm thu hoàn thành công tác giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên lập theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Nghiệm thu sửa chữa công trình đường sắt; khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đối với công trình đường sắt

a) Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; xác nhận hoàn thành dịch vụ do mình cung cấp; lập báo cáo xác nhận hoàn thành dịch vụ, chịu trách nhiệm về khối lượng, số lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ do mình thực hiện;

b) Sau khi nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản lập hồ sơ đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu và xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, thành phần hồ sơ gồm:

Hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Hồ sơ đề nghị xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành theo quy định của pháp luật về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

c) Trên cơ sở đề nghị của tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu, kiểm tra hồ sơ và xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành theo quy định.

6. Nghiệm thu đối với công tác khác theo kế hoạch bảo trì được phê duyệt

a) Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản tổ chức nghiệm thu, xác nhận hoàn thành dịch vụ do mình cung cấp theo quy định của pháp luật có liên quan; lập báo cáo xác nhận hoàn thành dịch vụ, chịu trách nhiệm về khối lượng, số lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ do mình thực hiện;

b) Sau khi nghiệm thu, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản lập hồ sơ đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công, thành phần hồ sơ gồm:

Đề cương nhiệm vụ, dự toán được phê duyệt;

Biên bản nghiệm thu hoàn thành giữa tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản với đơn vị trực tiếp thực hiện;

Báo cáo của tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản xác nhận hoàn thành dịch vụ khác.

c) Trên cơ sở đề nghị của tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, Cục Đường sắt Việt Nam tổ chức nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

7. Bảo hành đối với công tác bảo trì công trình đường sắt

a) Công tác bảo dưỡng công trình đường sắt được thực hiện theo phương án tác nghiệp được duyệt. Trong thời gian còn lại, công trình phải được kiểm tra,

theo dõi, sửa chữa những hư hỏng nhỏ để bảo đảm an toàn công trình. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản và đơn vị trực tiếp thực hiện bảo dưỡng công trình chịu trách nhiệm duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định, bảo đảm an toàn chạy tàu;

b) Đối với công tác sửa chữa công trình, việc bảo hành thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

### **Điều 17. Báo cáo định kỳ trong quá trình quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt**

1. Tên báo cáo: Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt.

2. Nội dung báo cáo phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau: nhiệm vụ thực hiện; khối lượng, kinh phí được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt hoặc điều chỉnh trong kế hoạch bảo trì; chất lượng thực hiện, kết quả nghiệm thu, thanh toán; đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Đối tượng thực hiện báo cáo: tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

4. Cơ quan nhận báo cáo: Cục Đường sắt Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: văn bản giấy và qua trực liên thông hệ thống quản lý văn bản giữa Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường sắt Việt Nam và tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

6. Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; trước ngày 15 tháng 01 của tháng tiếp theo đối với báo cáo năm.

7. Tần suất thực hiện báo cáo: 02 lần trong năm.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo năm.

9. Biểu mẫu báo cáo theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 18: Trách nhiệm quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt**

1. Cục Đường sắt Việt Nam

a) Đặt hàng với tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt;

b) Quản lý hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước;

c) Kiểm tra, giám sát nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản trong việc thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt theo quy định của Thông tư này.

2. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản

a) Tổ chức thực hiện toàn bộ công tác quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt theo hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

b) Thực hiện giám sát công tác bảo trì công trình đường sắt, chịu trách nhiệm về chất lượng bảo trì công trình đường sắt theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức kiểm tra, theo dõi định kỳ, thực hiện sửa chữa những hư hỏng nhỏ để duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định của công trình đường sắt, bảo đảm giao thông đường sắt thông suốt, an toàn;

d) Chịu trách nhiệm về sự cố hoặc xuống cấp của công trình do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt theo quy định;

đ) Thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật ngân sách Nhà nước và nội dung hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công với Cục Đường sắt Việt Nam.

#### **Chương IV**

### **CHI PHÍ QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

**Điều 19. Nguồn kinh phí dành cho công tác quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt**

1. Kinh phí dành cho công tác quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt do nhà nước đầu tư được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí dành cho công tác quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 20. Nội dung chi phí quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt**

1. Nội dung các khoản mục chi phí liên quan đến thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng, bảo trì công trình đường sắt bao gồm:

a) Chi phí quản lý hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước;

b) Chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì công trình và định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì công trình đường sắt;



c) Chi phí kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa công trình đường sắt;

d) Chi phí lập, cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt; chi phí cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo trì công trình đường sắt;

đ) Các chi phí cần thiết khác có liên quan.

2. Việc xác định chi phí thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường sắt được thực hiện như sau:

a) Chi phí quản lý quản lý hợp đồng đặt hàng là một thành phần của chi phí quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt và được xác định bằng dự toán nhưng không vượt quá 10% chi phí quản lý, giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt;

b) Đối với sửa chữa công trình đường sắt, chi phí thực hiện được xác định theo từng công trình, dự án theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

c) Đối với bảo dưỡng thường xuyên và khắc phục bước 1 hậu quả thiết hại sự cố, thiên tai, tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản tổ chức lập phương án giá dịch vụ sự nghiệp công, dự toán chi phí theo quy định của pháp luật về ngân sách;

d) Đối với các công việc còn lại, chi phí thực hiện được xác định bằng dự toán trên cơ sở nội dung và khối lượng công việc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 21. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật đó.

#### **Điều 22. Quy định chuyển tiếp**

1. Các công trình, nhiệm vụ đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện đến ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn chưa hoàn thành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đã ký kết.

2. Thành phần, nội dung hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng được lập và quản lý theo quy định Điều 6 Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phải từng bước cập nhật, bổ sung theo quy định của Thông tư này trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **Điều 23. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như khoản 1 Điều 23;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHT.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Thắng**

**Phụ lục I**  
**BẢNG TỔNG HỢP TRẠNG THÁI KỸ THUẬT**  
**CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày /12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**I. Đường chính tuyến:**

1. Tuyến đường sắt: .....
2. Khổ đường: .....
3. Lý trình đầu:.....; lý trình cuối:.....; chiều dài .....
4. Tổng chiều dài cầu:.....; trong đó: ..... cầu bê tông, ..... cầu thép.
5. Tổng chiều dài hầm: .....
6. Số lượng ghi trên chính tuyến: ...bộ; tổng chiều dài... m.
7. Khối lượng đường chính:
  - Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ... (km)
  - Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ... (km)
- ....
8. Trạng thái kỹ thuật đường chính tuyến theo bảng sau:

TT	Lý trình		Chiều dài, km	Nền đường	Nền đá	Ray		Tà vẹt		Phụ kiện	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra	Ghi chú
	Đầu	Cuối				Loại	Dài	Loại	Kiểu					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

**Ghi chú:**

- (1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;
- (2) Lý trình đầu của đoạn trên;
- (3) Lý trình cuối của đoạn trên;
- (4) Chiều dài của đoạn;
- (5) Nền đường đào, đắp hay không đào, không đắp;
- (6) Chiều dày nền đá;
- (7) Loại ray hiện tại (P50, P43, P38);
- (8) Chiều dài của mỗi thanh ray, m;
- (9) Loại tà vẹt (sắt, gỗ, bê tông, bê tông dự ứng lực);
- (10) Kiểu tà vẹt theo từng loại;
- (11) Loại phụ kiện liên kết;
- (12) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;
- (13) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra đường;
- (14) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của kiến trúc tầng trên (từng cầu ray; từng thanh tà vẹt + phụ kiện; kích thước (chiều rộng mặt nền đá, chiều rộng chân nền đá, chiều dày nền đá), chất lượng nền đá balat); loại nền đường, chất lượng nền đường và các kích thước chủ yếu theo

*tình đoạn cụ thể; tình trạng sạt, lở, phụt bùn, túi đá.... và tình trạng ổn định của nền đường; loại hình và vật liệu, chất lượng kết cấu gia cố nền đường; hệ thống thoát nước nền đường tại thời điểm kiểm tra.*

*(15) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng các hạng mục tại mục (14) nêu trên kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.*

**II. Đường ga:**

1. Tuyến đường sắt: .....
2. Khổ đường:.....
3. Khối lượng đường ga:
  - Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ... (km)
  - Loại ray..., loại tà vẹt... khối lượng ... (km)
- ....
4. Trạng thái kỹ thuật đường ga (không bao gồm đường chính tuyến qua ga) theo bảng sau:

TT	Ga		Tên đường	Chiều dài, m			Ray		Loại tà vẹt	Loại phụ kiện	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra	Ghi chú
	Tên ga	Lý trình		Toàn bộ	Đặt ray	Sử dụng	Loại	Dài						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

**Ghi chú:**

- (1) Thứ tự các ga theo hướng lý trình tiến;
- (2) Tên của ga;
- (3) Lý trình của ga;
- (4) Tên các đường trong ga;
- (5) Chiều dài toàn bộ của từng đường, tính từ tim ghi bên này đến tim ghi bên kia;
- (6) Chiều đặt ray của từng đường, không kể chiều dài ghi;
- (7) Chiều dài sử dụng của từng đường, tính từ mốc xung đột bên này đến mốc xung đột bên kia;
- (8) Loại ray sử dụng (P50, P43, P38);
- (9) Chiều dài của mỗi thanh ray, m;
- (10) Loại tà vẹt (sắt, gỗ, bê tông, bê tông dự ứng lực);
- (11) Loại phụ kiện liên kết;
- (12) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;
- (13) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra đường;
- (14) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của kiến trúc tầng trên (tầng cầu ray; tầng thanh tà vẹt + phụ kiện; kích thước (chiều rộng mặt nền đá, chiều rộng chân nền đá, chiều dày nền đá), chất lượng nền đá balat); loại nền đường, chất lượng nền đường và các kích thước chủ yếu theo từng đoạn cụ thể; tình trạng sạt, lở, phụt bùn, túi đá... và tình trạng ổn định của nền đường; loại hình và vật liệu, chất lượng kết cấu gia cố nền đường; hệ thống thoát nước nền đường tại thời điểm kiểm tra.
- (15) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các hạng mục tại mục (14) nêu trên kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

**III. Ghi:**

1. Tuyến (đoạn tuyến) đường sắt:.....
2. Khổ đường: .....
3. Khối lượng ghi:
  - Loại ghi... số lượng ... (bộ)
  - Loại ghi... số lượng ... (bộ)
- ....
4. Trạng thái kỹ thuật của từng bộ ghi trong các ga theo bảng sau:

TT	Tên ga	Tên ghi	Lý trình	Trên đường	Các yếu tố kỹ thuật của ghi						Nước sản xuất	Thời gian lắp đặt vào đường	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra	Ghi chú
					Tang ghi	Loại ray	Chiều dài	Loại tâm	Hướng rẽ	Góc rẽ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

**Ghi chú:**

- (1) Thứ tự các ga theo hướng lý trình tiến;
- (2) Tên của ga;
- (3) Tên từng bộ ghi trong ga;
- (4) Lý trình tìm từng bộ ghi trong ga;
- (5) Vị trí của bộ ghi trên các đường trong ga;
- (6) Số hiệu của từng bộ ghi, tính bằng tang của góc rẽ (1/9, 1/10...);
- (7) Loại ray sử dụng của từng bộ ghi (P50, P43, P38...);
- (8) Chiều dài của từng bộ ghi, m;
- (9) Loại tâm của từng bộ ghi (đúc hay ghép);
- (10) Hướng rẽ của ghi (phải, trái);
- (11) Góc rẽ của ghi (bao nhiêu độ);
- (12) Ghi sản xuất tại nước nào;
- (13) Ghi rõ thời gian: Tháng, năm lắp đặt vào đường;
- (14) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra ghi;
- (15) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của tổng thể bộ ghi; các cấu kiện của bộ ghi: Lưỡi ghi, tâm ghi, tà vẹt ghi, ray ghi, phụ kiện liên kết ghi; thiết bị khống chế ghi tại thời điểm kiểm tra.
- (16) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các hạng mục tại mục (15) nêu trên kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

**IV. Cầu:**

1. Tuyến đường sắt:.....

2. Khổ đường: .....

3. Khối lượng cầu:

- Loại cầu... khối lượng ... (m)

- Loại cầu... khối lượng ... (m)

....

4. Trạng thái kỹ thuật của từng cầu theo bảng sau:

TT	Tên cầu	Lý trình	Chiều dài cầu, m	Số nhịp	Chiều dài dầm, m	Loại dầm	Mặt cầu	Mố/trụ	Tải trọng	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

**Ghi chú:**

(1) Thứ tự các cầu theo hướng lý trình tiến;

(2) Tên của cầu;

(3) Lý trình của cầu;

(4) Chiều dài cầu, tính từ đuôi mố bên này đến đuôi mố bên kia, m;

(5) Số lượng nhịp của cầu;

(6) Chiều dài các dầm từ 1 đến hết; m;

(7) Ghi rõ thép, bê tông, bê tông cốt thép, liên hợp...;

(8) Loại mặt cầu (trần, máng ba lát, chạy trực tiếp...);

(9) Kiểu mố, trụ, vật liệu xây dựng;

(10) Tải trọng thiết kế của mố cầu, trụ cầu, dầm cầu (T14, T22...);

(11) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;

(12) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(13) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra cầu;

(14) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của kết cấu cầu, tình trạng xói lở mố, trụ cầu, các hư hỏng kết cấu cầu... tại thời điểm kiểm tra.

(15) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng của kết cấu cầu, tình trạng xói lở mố, trụ cầu, các hư hỏng kết cấu cầu kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

**V. Công:**

1. Tuyến đường sắt:.....
2. Khổ đường: .....
3. Khối lượng công:
  - Loại công... khối lượng ... (m)
  - Loại công... khối lượng ... (m)
- ....
4. Trạng thái kỹ thuật của từng công theo bảng sau:

TT	Lý trình	Hình dạng	Khẩu độ	Chiều dài công, m	Chiều dài thân công, m	Vật liệu	Chiều cao đất đắp, m	Tải trọng	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

**Ghi chú:**

- (1) Thứ tự các công theo hướng lý trình tiến;
- (2) Lý trình của công;
- (3) Hình dạng mặt cắt ngang (vòm, tròn, vuông...);
- (4) Khẩu độ thoát nước của công (m);
- (5) Chiều dài công, tính cả cửa công, m;
- (6) Chiều dài thân công, m;
- (7) Vật liệu xây dựng công;
- (8) Chiều cao đất đắp trên công, m;
- (9) Tải trọng thiết kế công (T14, T22,...);
- (10) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;
- (11) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;
- (12) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra công;
- (13) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của ống công, tường đầu công, sân công; tình trạng thoát nước của công tại thời điểm kiểm tra;
- (14) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng của công tại mục (13) nêu trên kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.



**VI. Hàm:**

1. Tuyến đường sắt:
2. Khổ đường:
3. Khối lượng hàm:
  - Loại hàm... khối lượng ... (m)
  - Loại hàm... khối lượng ... (m)

....

4. Trạng thái kỹ thuật của từng hàm theo bảng sau:

TT	Tên hàm	Lý trình	Chiều dài	Bán kính cong	Độ dốc	Hướng rẽ	Vật liệu		Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
							Tường	Vòm					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

**Ghi chú:**

- (1) Thứ tự hàm theo hướng lý trình tiến;
- (2) Tên của hàm;
- (3) Lý trình của hàm;
- (4) Chiều dài hàm, tính từ cửa hàm bên này đến cửa hàm bên kia, m;
- (5) Bán kính đường cong trong hàm, m;
- (6) Độ dốc đường trong hàm (%);
- (7) Hướng rẽ đường trong hàm (phải hay trái);
- (8) Vật liệu tường hàm;
- (9) Vật liệu vòm hàm;
- (10) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;
- (11) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;
- (12) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra hàm;
- (13) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của kết cấu hàm, tình trạng nứt vỡ, dột, phong hóa của vỏ hàm, các hư hỏng kết cấu hàm, hệ thống thoát nước trong hàm....;
- (14) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng của kết cấu hàm, tình trạng nứt vỡ, dột, phong hóa của vỏ hàm, các hư hỏng kết cấu hàm, hệ thống thoát nước trong hàm kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

**VII. Nhà ga, kho ga:**

1. Tuyến đường sắt:.....

2. Khối lượng nhà ga, kho ga:

- Loại công trình... khối lượng ... (100m<sup>2</sup>)

- Loại công trình... khối lượng ... (100m<sup>2</sup>)

....

3. Trạng thái kỹ thuật của từng hạng Mục công trình theo bảng sau:

TT	Ga		Nhà ga		Kho ga		Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Hệ thống PCCC	Trạng thái kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra	Ghi chú
	Tên ga	Lý trình	Diện tích	Cấp	Diện tích	Cấp						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

**Ghi chú:**

(1) Thứ tự các ga theo hướng lý trình tiến;

(2) Tên của ga;

(3) Lý trình của ga;

(4) Diện tích xây dựng nhà ga, m<sup>2</sup>;

(5) Cấp công trình nhà ga theo phân cấp;

(6) Diện tích xây dựng kho ga, m<sup>2</sup>;

(7) Cấp công trình kho ga theo phân cấp;

(8) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;

(9) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(10) Ghi rõ ngày, tháng, năm kiểm tra nhà ga, kho ga;

(11) Thống kê đầy đủ số lượng, chất lượng hệ thống PCCC tại nhà ga, kho ga;

(12) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của kết cấu chịu lực và kết cấu khác của nhà ga, kho ga.... tại thời điểm kiểm tra;

(13) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng của kết cấu nhà ga, kho ga kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

**VIII. Ke ga, bãi hàng:**

1. Tuyến đường sắt: .....
2. Khối lượng ke ga, bãi hàng:
  - Loại công trình... khối lượng ... (100m<sup>2</sup>)
  - Loại công trình... khối lượng ... (100m<sup>2</sup>)
3. Trạng thái kỹ thuật của từng hạng mục công trình theo bảng sau:

TT	Ga		Ke ga		Bãi hàng		Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
	Tên ga	Lý trình	Diện tích	Vật liệu	Diện tích	Vật liệu					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

**Ghi chú:**

- (1) Thứ tự các ga theo hướng lý trình tiến;
- (2) Tên của ga;
- (3) Lý trình của ga;
- (4), (6) Diện tích xây dựng, m<sup>2</sup>;
- (5), (7) Vật liệu xây dựng;
- (8) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;
- (9) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;
- (10) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;
- (11) Ghi rõ cụ thể chất lượng của ke ga, bãi hàng... tại thời điểm kiểm tra;
- (12) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng của kết cấu của ke ga, bãi hàng kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình;

**IX. Đường ngang:**

1. Tuyến đường sắt:.....
2. Số lượng đường ngang:
  - Loại hình phòng vệ biển báo ...
  - Loại hình phòng vệ cảnh báo tự động ...
  - Loại hình phòng vệ có người gác ...
3. Trạng thái kỹ thuật của từng đường ngang theo bảng sau:

TT	Tên ĐN	Lý trình	Cấp	Tầm nhìn	Phòng vệ	Diện tích nhà gác	Góc giao	Đường bộ			Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
								Loại	Rộng/kết cấu	Độ dốc					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

**Ghi chú:**

- (1) Thứ tự các đường ngang theo hướng lý trình tiến;
- (2) Tên của đường ngang;
- (3) Lý trình của đường ngang;
- (4) Cấp đường ngang theo quy định;
- (5) Tầm nhìn cho phương tiện giao thông đường sắt, đường bộ (về các phía);
- (6) Loại hình phòng vệ (có người gác, cảnh báo tự động...);
- (7) Diện tích xây dựng, m<sup>2</sup> của nhà gác đường ngang;
- (8) Góc giao giữa đường sắt và đường bộ;
- (9) Loại đường bộ (quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện,...);
- (10) Chiều rộng và kết cấu mặt đường bộ;
- (11) Độ dốc đường bộ hai bên đường ngang (%);
- (12) Năm hoàn thành xây dựng, đưa vào khai thác;
- (13) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;
- (14) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;
- (15) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của đường ngang: Sự đầy đủ và hoạt động của hệ thống thiết bị phòng vệ đường ngang (cần chắn, giàn chắn; cọc tiêu, hàng rào cố định; vạch kẻ đường; hệ thống biển báo đường sắt, đường bộ; đèn tín hiệu, chuông điện hoặc loa phát âm thanh; tín hiệu ngăn đường phía đường sắt; các thiết bị khác (nếu có)); chất lượng công trình đường sắt, đường bộ tại đường ngang; nhà gác đường ngang; chiếu sáng tại đường ngang; hệ thống thoát nước tại đường ngang tại thời điểm kiểm tra;
- (16) Mục này phải căn cứ quy định tại Thông tư 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng các nội dung nêu tại mục (15) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

**X. Đường truyền tải**

1. Tuyến đường sắt: .....
2. Khối lượng đường truyền tải:
  - 2.1. Đường dây trần:
    - Loại 2 xà, 8 đôi dây ... (Km/trục)
    - Loại ... xà, ... đôi dây ... (Km/trục)
    - Loại ... xà, ... đôi dây ... (Km/trục)
  - 2.2. Cáp thông tin:
    - Loại đi treo: ... km
    - Loại đi chôn: ... km
3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Đoạn		Loại cột	Loại xà	Số đôi dây	Các loại cáp			Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
	Từ	Đến				Trần (km/đôi)	Quang (km.sợi)	Khác (km.sợi)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

**Ghi chú:**

- (1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;
- (2) Số thứ tự cột trước đối với cáp treo; lý trình km đường sắt đối với cáp ngầm;
- (3) Số thứ tự cột sau; lý trình km đường sắt đối với cáp đi chôn;
- (4) Số lượng, loại cột;
- (5) Số lượng, loại xà trên cột;
- (6) Số đôi dây trên cột;
- (7), (8), (9) Số lượng, chiều dài các loại cáp trên cột, cáp thông tin ngầm;
- (10) Năm hoàn thành xây dựng (lắp đặt), đưa vào khai thác;
- (11) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;
- (12) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;
- (13) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của đường truyền tải: Chất lượng đường cột, xà, sự, dây co, phụ kiện; chất lượng cáp và độ suy hao truyền dẫn tại thời điểm kiểm tra;
- (14) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (13) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn công trình.

**XI. Trạm tổng đài**

1. Tuyến đường sắt: .....

2. Khối lượng trạm tổng đài:

- Loại ... , số lượng ...

- Loại ... , số lượng ...

- Loại ... , số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt tại ga, trung tâm	Loại trạm	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

**Ghi chú:**

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, trung tâm lắp đặt, vị trí lắp đặt trạm tổng đài;

(3), (4) Ghi rõ chủng loại thiết bị, số lượng thiết bị trạm;

(5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị trạm tổng đài theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của trạm tổng đài: Đánh giá hoạt động của thiết bị, chất lượng trạm theo chỉ dẫn của nhà sản xuất, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; các mức độ cảnh báo của thiết bị tại thời điểm kiểm tra;

(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn thiết bị.

**XII. Tín hiệu ra, vào ga, đường ngang**

1. Tuyến đường sắt: .....
2. Khối lượng tín hiệu ra, vào ga, đường ngang:
  - Tín hiệu vào ga, loại..., số lượng ...
  - Tín hiệu ra ga, loại..., số lượng ...
  - Tín hiệu báo trước, loại..., số lượng ...
  - Tín hiệu đường ngang, loại..., số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt tại ga, đường ngang	Loại tín hiệu	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

**Ghi chú:**

- (1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;
- (2) Các ga, đường ngang lắp đặt, vị trí lắp tín hiệu;
- (3), (4) Ghi rõ chủng loại thiết bị, số lượng;
- (5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;
- (6) Xác định khối lượng thiết bị tín hiệu theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;
- (7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;
- (8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;
- (9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;
- (10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của tín hiệu: Tâm nhìn, chất lượng cột, cơ cấu biểu thị, phụ kiện lắp đặt... tại thời điểm kiểm tra;
- (11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn thiết bị.

**XIII. Thiết bị không chế**

1. Tuyến đường sắt: .....

2. Khối lượng thiết bị không chế:

- Thiết bị không chế, loại..., số lượng ...

- Thiết bị không chế, loại..., số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt	Loại thiết bị	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

**Ghi chú:**

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, khu gian... lắp đặt, vị trí lắp thiết bị không chế;

(3), (4) Ghi rõ chủng loại thiết bị, số lượng;

(5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị tính hiệu theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của thiết bị: Đánh giá hoạt động của thiết bị, chất lượng thiết bị, phụ kiện lắp đặt... tại thời điểm kiểm tra;

(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn thiết bị.



**XIV. Thiết bị điều khiển**

1. Tuyến đường sắt: .....

2. Khối lượng thiết bị điều khiển:

- Thiết bị điều khiển, loại..., số lượng ...

- Thiết bị điều khiển, loại..., số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt	Loại thiết bị	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

**Ghi chú:**

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, trạm, trung tâm, đường ngang ... lắp đặt, vị trí lắp thiết bị điều khiển;

(3), (4) Ghi rõ chủng loại thiết bị, số lượng;

(5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị tính hiệu theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của thiết bị: Đánh giá hoạt động của thiết bị, chất lượng thiết bị, phụ kiện lắp đặt, mức độ cảnh báo... tại thời điểm kiểm tra;

(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn thiết bị.

**XV. Cấp tín hiệu**

1. Tuyến đường sắt: .....

2. Khối lượng cấp tín hiệu:

- Cấp tín hiệu, loại..., số lượng ...

- Cấp tín hiệu, loại..., số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt	Chủng loại cáp	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

**Ghi chú:**

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, trạm, trung tâm, đường ngang ... lắp đặt, vị trí lắp cáp;

(3), (4) Ghi rõ chủng chủng loại cáp, số lượng;

(5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị tín hiệu theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của thiết bị: Độ ổn định vị trí đặt cáp, phụ kiện lắp đặt cáp, độ suy hao truyền dẫn cáp... tại thời điểm kiểm tra;

(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn đường cáp tín hiệu.

**XVI. Thiết bị nguồn**

1. Tuyến đường sắt: .....

2. Khối lượng thiết bị nguồn:

- Thiết bị nguồn, loại..., số lượng ...

- Thiết bị nguồn, loại..., số lượng ...

...

3. Trạng thái kỹ thuật công trình theo bảng sau:

TT	Vị trí lắp đặt	Chủng loại thiết bị	Số lượng	Hệ số tính đổi	Khối lượng tính đổi	Năm xây dựng	Năm sửa chữa	Thời điểm kiểm tra	Trạng thái kỹ thuật thời điểm kiểm tra	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

**Ghi chú:**

(1) Thứ tự các đoạn có các yếu tố kỹ thuật khác nhau theo hướng lý trình tiến;

(2) Các ga, trạm, trung tâm, đường ngang ... lắp đặt, vị trí lắp thiết bị nguồn;

(3), (4) Ghi rõ chủng chủng loại thiết bị, số lượng;

(5) Ghi rõ hệ số tính đổi thiết bị theo Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức áp dụng;

(6) Xác định khối lượng thiết bị tín hiệu theo đúng số lượng và hệ số tính đổi;

(7) Năm hoàn thành lắp đặt, đưa vào khai thác;

(8) Ghi rõ năm, nội dung sửa chữa;

(9) Ghi rõ thời điểm kiểm tra;

(10) Ghi rõ, cụ thể chất lượng của thiết bị: Đánh giá hoạt động của thiết bị, chất lượng thiết bị, phụ kiện lắp đặt, biên độ dao động nguồn... tại thời điểm kiểm tra;

(11) Mục này phải căn cứ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng để đánh giá chất lượng chất lượng các nội dung nêu tại mục (10) kèm theo các đề xuất, kiến nghị và biện pháp kiểm tra, theo dõi, bảo đảm an toàn nguồn điện.

**Phụ lục II****BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày /12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Tiêu chuẩn chất lượng	Mức độ ưu tiên
	<b>TỔNG SỐ (I+II+III+IV+V)</b>							
<b>I</b>	<b>BẢO DƯỠNG</b>							
<b>1</b>	<b>Sản phẩm thứ 1</b>	<b>km</b>						
1.1	Tuyến đường sắt... (từ Km... đến Km...)	km						
1.2	Tuyến đường sắt... (từ Km... đến Km...)	km						
...		km						
<b>2</b>	<b>Sản phẩm thứ 2</b>	<b>km</b>						
2.1	Tuyến đường sắt... (từ Km... đến Km...)	km						
2.2	Tuyến đường sắt... (từ Km... đến Km...)	km						
...								
...								
<b>20</b>	<b>Sản phẩm thứ n</b>	<b>km</b>						
20.1	Tuyến đường sắt... (từ Km... đến Km...)	km						
20.2	Tuyến đường sắt... (từ Km... đến Km...)	km						
...								
...								
<b>II</b>	<b>SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ</b>							
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>							
<b>1.1</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>							
1.1.1	Tuyến đường sắt...							
	- .....							
	- .....							
1.1.2	Tuyến đường sắt...							

	- .....							
	- .....							
<b>1.2</b>	<b>Công trình làm mới</b>							
1.2.1	Tuyến đường sắt...							
	- .....							
	- .....							
1.2.2	Tuyến đường sắt...							
	- .....							
	- .....							
<b>2</b>	<b>Thực hiện đầu tư</b>							
<b>2.1</b>	<b>Công trình &lt; 500 triệu đồng</b>							
2.1.1	Tuyến đường sắt....							
	- .....							
	- .....							
2.1.2	Tuyến đường sắt							
	- .....							
	- .....							
<b>2.2</b>	<b>Công trình ≥ 500 triệu</b>							
2.2.1	Công trình chuyển tiếp							
2.2.1.1	Tuyến đường sắt....							
	- .....							
	- .....							
2.2.1.2	Tuyến đường sắt....							
	- .....							
	- .....							
2.2.2	Công trình làm mới							
2.2.2.1	Tuyến đường sắt....							
	- .....							
	- .....							
222.2	Tuyến đường sắt....							
	- .....							
	- .....							
<b>III</b>	<b>KIỂM ĐỊNH, QUAN TRẮC</b>							

<b>1</b>	<b><i>Kiểm định</i></b>							
1.1	Công trình 1							
1.2	Công trình 2							
	.....							
1.n	Công trình n							
<b>2</b>	<b><i>Quan trắc</i></b>							
2.1	Công trình 1							
2.2	Công trình 2							
	.....							
2.n	Công trình n							
<b>IV</b>	<b>KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SỰ CỐ, THIÊN TAI VÀ TAI NẠN (SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT) (*)</b>							
1	Công trình 1							
2	Công trình 2							
	.....							
n	Công trình n							
<b>V</b>	<b>CÁC CÔNG TÁC KHÁC</b>							
1	Nhiệm vụ 1							
2	Nhiệm vụ 2							
	.....							
n	Nhiệm vụ n							
<b>CHI TIẾT NỘI DUNG SẢN PHẨM BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH</b>								
<b>TT</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Chi phí (triệu đồng)</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Phương thức thực hiện</b>	<b>Tiêu chuẩn chất lượng</b>	<b>Mức độ ưu tiên</b>
<b>1</b>	<b><i>SẢN PHẨM THỨ 1</i></b>							
1.1	<i>Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)</i>							
<b>1.1.1</b>	<b>Khối lượng thực hiện</b>							
	- Đường chính tuyến	km						
	- Đường ga	km						
	- Ghi	bộ						
	- Cầu	km						
	- Cống	km						

	- Hàm	km						
	- Nhà ga, kho ga	m <sup>2</sup>						
	- Ke ga, bãi hàng	m <sup>2</sup>						
	- Điểm góc đường ngang	điểm						
	- Đường truyền tải	Km.trục						
	- Trạm tổng đài	trạm						
	- Tín hiệu ra vào ga	hệ						
	- Thiết bị không chế	bộ						
	- Thiết bị điều khiển	đài						
	- Cấp tín hiệu	Km.sợi						
	- Thiết bị nguồn	cung						
	- .....							
<b>1.1.2 Khối lượng vật tư chủ yếu</b>								
<b>TT</b>	<b>Tên vật tư và quy cách</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>					
	- Ray	thanh						
	- Tà vệt bê lông	thanh						
	- Tà vệt sắt	thanh						
	- Tà vệt ghi	thanh						
	- Tà vệt cầu	thanh						
	- Ghi	bộ						
	- Tâm ghi	cái						
	- Đá hộc	m <sup>3</sup>						
	- Đá dăm 2,5 x 5	m <sup>3</sup>						
	- Xi măng	tấn						
	- Cát vàng	m <sup>3</sup>						
	- .....							
<b>1.1.3 Khối lượng máy thi công</b>								
<b>TT</b>	<b>Tên máy, thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>					
	- Máy chèn đường 08-8GS							
	- Máy chèn đường GRAD							
	- Máy sàng đá balat MR 74 BRU							
	- Máy đa dụng KGT/V							
	- Máy thay tà vệt MRT							

	- Máy xiết bu lông TEM							
	- Máy nâng mỗi gục JA							
	- Thước đo CRFF							
	- Máy đo Matisa							
	- .....							
	- .....							
1.2	<i>Tuyến đường sắt ....(từ Km... đến Km...)</i>							
<b>1.2.1</b>	<b>Khối lượng thực hiện</b>							
	- .....							
	- .....							
<b>1.2.2</b>	<b>Khối lượng vật tư chủ yếu</b>							
	- .....							
	- .....							
<b>1.2.3</b>	<b>Khối lượng máy thi công</b>							
	- .....							
	- .....							
<b>2</b>	<b><i>SẢN PHẨM THỨ 2</i></b>							
	- .....							
	- .....							
<b>n</b>	<b><i>SẢN PHẨM THỨ n</i></b>							
	- .....							
	- .....							

**Ghi chú:**

- Khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tai nạn (Sửa chữa đột xuất)<sup>(\*)</sup> không nằm trong kế hoạch bảo trì được phê duyệt, sẽ được bổ sung vào kế hoạch trong quá trình thực hiện khi công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động thiên tai đột xuất khác ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành công trình.

- Sản phẩm thứ 1, Sản phẩm thứ 2, ..... Sản phẩm thứ n: bao gồm các công việc bảo dưỡng công trình đường sắt được giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng thực hiện với đơn vị bảo trì công trình đường sắt thứ 1, thứ 2,... thứ n.



**Phụ lục III**  
**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG BẢO TRÌ**  
**CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày /12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng năm trước	Khối lượng năm nay	Tăng / giảm	Lý do tăng / giảm
<b>1</b>	<b>Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)</b>					
	- Đường chính tuyến	km				
	- Đường ga	km				
	- Ghi	bộ				
	- Cầu	km				
	- Cống	km				
	- Hàm	km				
	- Nhà ga, kho ga	m <sup>2</sup>				
	- Ke ga, bãi hàng	m <sup>2</sup>				
	- Điểm góc đường ngang	điểm				
	- Đường truyền tải	Km.trục				
	- Trạm tổng đài	trạm				
	- Tín hiệu ra vào ga	hệ				
	- Thiết bị khống chế	bộ				
	- Thiết bị điều khiển	đài				
	- Cấp tín hiệu	Km.sợi				
	- Thiết bị nguồn	cung				
<b>2</b>	<b>Tuyến đường sắt (từ Km... đến Km...)</b>					
- .....						

**Phụ lục IV****BIÊN BẢN NGHIỆM THU BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày /12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**I. Biểu số 01: Biên bản nghiệm thu nội bộ, xác nhận hoàn thành bảo dưỡng thường xuyên****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU NỘI BỘ, XÁC NHẬN HOÀN THÀNH  
NHIỆM VỤ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Tháng ....., Quý ..... Năm .....

Số...../.....

**1. Căn cứ nghiệm thu**

a) Các văn bản quy phạm pháp luật:

[Liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nghiệm thu].

b) Tài liệu liên quan đến hợp đồng đặt hàng:

[Liệt kê các tài liệu có liên quan hợp đồng đặt hàng làm căn cứ để nghiệm thu].

c) Quy chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo, tiêu chuẩn áp dụng để nghiệm thu:

[Liệt kê đầy đủ Quy chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, tiêu chuẩn áp dụng để nghiệm thu]

**2. Đối tượng nghiệm thu:**

- Sản phẩm bảo dưỡng công trình đường sắt [Ghi tên sản phẩm theo kế hoạch bảo trì và hợp đồng đặt hàng]

- Thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt: [Ghi thời gian bắt đầu và kết thúc bảo dưỡng công trình]

**3. Đơn vị bảo dưỡng công trình đường sắt:**

[Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ của đơn vị trực tiếp thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt]

**4. Thành phần đoàn nghiệm thu:**

a) Đại diện của tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

b) Đại diện của đơn vị bảo dưỡng công trình đường sắt

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

**c) Đại diện của đơn vị thực hiện giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt**

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

**5. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:**

- Bắt đầu: .....

- Kết thúc .....

- Tại:.. (3)

**6. Kết quả nghiệm thu:**

Về khối lượng, số lượng, chất lượng được nghiệm thu [ghi rõ chủng loại, số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm được nghiệm thu]:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Quy cách	Khối lượng, số lượng	Đánh giá của đoàn nghiệm thu (đạt/ không đạt)	Tài liệu kèm theo
<b>I</b>	<b>Vật tư, thiết bị đưa vào công trình</b>					
1	...					
...	...					
<b>II</b>	<b>Hạng mục bảo dưỡng công trình</b>					
1	...					
...	...					

**7. Kết luận:**

a) Sự phù hợp về số lượng, chất lượng của vật tư, thiết bị đưa vào công trình: .....

b) Sự phù hợp về khối lượng, chất lượng bảo dưỡng công trình: .....

c) Đoàn nghiệm thu đồng ý (hoặc không đồng ý) nghiệm thu: .....

d) Các nội dung phải tiếp tục khắc phục, hoàn thiện (nếu có): .....

**8. Các bên tham gia nghiệm thu cam kết chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu theo Biên bản này.**

Biên bản này bao gồm ... trang, .... Phụ lục và được lập thành .... bản có giá trị như nhau, được thống nhất thông qua và ký tên dưới đây.

**Đại diện ...**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

**Đại diện ...**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

**Đại diện ...**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

**Đại diện ...**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

## II. Biểu số 02: Biên bản nghiệm thu hoàn thành nhiệm vụ bảo dưỡng thường xuyên

### CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Quý ..... Năm .....

Số...../.....

#### 1. Căn cứ nghiệm thu

a) Các văn bản quy phạm pháp luật:

[Liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nghiệm thu].

b) Tài liệu liên quan đến hợp đồng đặt hàng:

[Liệt kê các tài liệu có liên quan hợp đồng đặt hàng làm căn cứ để nghiệm thu].

c) Quy chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo, tiêu chuẩn áp dụng để nghiệm thu:

[Liệt kê đầy đủ Quy chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, tiêu chuẩn áp dụng để nghiệm thu]

#### 2. Đối tượng nghiệm thu:

- Sản phẩm bảo dưỡng công trình đường sắt [Ghi tên sản phẩm theo kế hoạch bảo trì và hợp đồng đặt hàng]

- Thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt: [Ghi thời gian bắt đầu và kết thúc bảo dưỡng công trình]

#### 3. Đơn vị bảo dưỡng công trình đường sắt:

[Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ của đơn vị trực tiếp thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt]

#### 4. Thành phần nghiệm thu:

a) Đại diện cơ quan đặt hàng (Bên A)

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

b) Đại diện cơ quan nhận đặt hàng (Bên B)

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

#### 5. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: .....

- Kết thúc .....

- Tại:.. .

## **6. Nội dung nghiệm thu:**

### **6.1. Phương pháp nghiệm thu:**

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu đề nghị nghiệm thu sản phẩm bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt do Bên B cung cấp, Bên A tiến hành:

- Kiểm tra tính đầy đủ, phù hợp của hồ sơ, tài liệu nghiệm thu theo danh mục quy định của Hợp đồng đặt hàng.

- Kiểm tra trên hồ sơ về số lượng, khối lượng sản phẩm bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt đã được Bên B nghiệm thu nội bộ và báo cáo xác nhận hoàn thành.

- Kiểm tra nội dung kết luận về chất lượng sản phẩm bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt đã được Bên B nghiệm thu nội bộ và báo cáo xác nhận hoàn thành.

- Kiểm tra nội dung báo cáo của Bên B về kết quả thực hiện, khắc phục theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi kiểm tra, thanh tra (nếu có).

### **6.2. Khối lượng sản phẩm:**

*[Nêu kết quả kiểm tra số lượng, khối lượng sản phẩm bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt đã được Bên B nghiệm thu nội bộ, báo cáo xác nhận hoàn thành (chi tiết lập thành bảng xác nhận khối lượng hoàn thành)].*

### **6.3. Chất lượng sản phẩm:**

*[Nêu nội dung kết luận của Bên B về chất lượng sản phẩm bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt đã được Bên B nghiệm thu, báo cáo xác nhận hoàn thành]*

## **IV. Kết luận nghiệm thu:**

1. Sự đầy đủ, phù hợp của hồ sơ, tài liệu nghiệm thu: .....

2. Đồng ý/ không đồng ý xác nhận khối lượng sản phẩm bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt đã được Bên B nghiệm thu, xác nhận hoàn thành: .....

3. Trách nhiệm của Bên B về kết quả nghiệm thu: *[Nêu trách nhiệm của Bên B về kết quả nghiệm thu, xác nhận hoàn thành]*

### **ĐẠI DIỆN BÊN A**

*Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
nếu có)*

### **ĐẠI DIỆN BÊN B**

*Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
nếu có)*

### III. Biểu số 03: Biên bản nghiệm thu nội bộ và xác nhận hoàn thành công tác giám sát bảo dưỡng thường xuyên

#### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

#### BIÊN BẢN NGHIỆM THU NỘI BỘ, XÁC NHẬN HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ GIÁM SÁT CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Tháng ....., Quý ..... Năm .....

Số...../.....

#### 1. Căn cứ nghiệm thu

a) Các văn bản quy phạm pháp luật:

[Liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nghiệm thu].

b) Tài liệu liên quan đến hợp đồng đặt hàng:

[Liệt kê các tài liệu có liên quan hợp đồng đặt hàng làm căn cứ để nghiệm thu].

c) Quy chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo, tiêu chuẩn áp dụng để nghiệm thu:

[Liệt kê đầy đủ Quy chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, tiêu chuẩn áp dụng để nghiệm thu]

#### 2. Đối tượng nghiệm thu:

- Nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt [Ghi tên nhiệm vụ theo kế hoạch bảo trì và hợp đồng đặt hàng]

- Thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt: [Ghi thời gian bắt đầu và kết thúc nhiệm vụ giám sát bảo dưỡng thường xuyên công trình]

#### 3. Đơn vị thực hiện giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt:

[Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ của đơn vị trực tiếp thực hiện bảo dưỡng công trình đường sắt]

#### 4. Thành phần đoàn nghiệm thu:

a) Đại diện của tổ chức được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

b) Đại diện của đơn vị thực hiện giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

c) Đại diện của đơn vị thực hiện giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

### 5. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: .....

- Kết thúc .....

- Tại... (3)

### 6. Kết quả nghiệm thu:

*[Ghi kết quả đánh giá theo nội dung công việc thực hiện tương ứng với phương án thực hiện quản lý, giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt được phê duyệt]*

TT	Nội dung công việc	Đánh giá kết quả thực hiện của đoàn nghiệm thu	Tài liệu kèm theo
1	Công tác 1...		
2	Công tác 2...		
3	Công tác 3...		
...	...		

### 7. Kết luận:

a) Đoàn nghiệm thu đồng ý (hoặc không đồng ý) nghiệm thu: .....

b) Các nội dung phải tiếp tục khắc phục, hoàn thiện (nếu có): .....

**8.** Các bên tham gia nghiệm thu cam kết chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu theo Biên bản này.

Biên bản này bao gồm ... trang, .... Phụ lục và được lập thành .... bản có giá trị như nhau, được thống nhất thông qua và ký tên dưới đây.

**Đại diện ...**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

**Đại diện ...**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)*

**IV. Biểu số 04: Biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH**  
**NHIỆM VỤ GIÁM SÁT CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**  
**CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

**Quý ..... Năm .....**  
**Số...../.....**

**1. Căn cứ nghiệm thu**

a) Các văn bản quy phạm pháp luật:

*[Liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nghiệm thu].*

b) Tài liệu liên quan đến hợp đồng đặt hàng:

*[Liệt kê các tài liệu có liên quan hợp đồng đặt hàng làm căn cứ để nghiệm thu].*

c) Quy chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo, tiêu chuẩn áp dụng để nghiệm thu:

*[Liệt kê đầy đủ Quy chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, tiêu chuẩn áp dụng để nghiệm thu]*

**2. Đối tượng nghiệm thu:**

- Sản phẩm giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt  
*[Ghi tên sản phẩm theo kế hoạch bảo trì và hợp đồng đặt hàng]*

- Thời gian thực hiện bảo giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt: *[Ghi thời gian bắt đầu và kết thúc bảo dưỡng công trình]*

**3. Đơn vị thực hiện giám sát bảo dưỡng công trình đường sắt:**

*[Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ của đơn vị trực tiếp thực hiện giám sát công tác bảo dưỡng công trình đường sắt]*

**4. Thành phần nghiệm thu:**

**a) Đại diện cơ quan đặt hàng (Bên A)**

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

**b) Đại diện cơ quan nhận đặt hàng (Bên B)**

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

- Ông/bà ..... chức vụ: .....

**5. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:**

- Bắt đầu: .....



- Kết thúc .....

- Tại... .

## **6. Nội dung nghiệm thu:**

### **6.1. Phương pháp nghiệm thu:**

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu đề nghị nghiệm thu sản phẩm giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt do Bên B cung cấp, Bên A tiến hành:

- Kiểm tra tính đầy đủ, phù hợp của hồ sơ, tài liệu nghiệm thu theo danh mục quy định của Hợp đồng đặt hàng.

- Kiểm tra trên hồ sơ nội dung nhiệm vụ giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt đã được Bên B nghiệm thu nội bộ và báo cáo xác nhận hoàn thành.

- Kiểm tra nội dung đánh giá, kết luận về chất lượng sản phẩm giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt đã được Bên B nghiệm thu nội bộ và báo cáo xác nhận hoàn thành.

- Kiểm tra nội dung báo cáo của Bên B về kết quả thực hiện, khắc phục theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi kiểm tra, thanh tra (nếu có).

### **6.2. Khối lượng sản phẩm:**

*[Nêu kết quả kiểm tra số lượng, khối lượng sản phẩm giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt đã được Bên B nghiệm thu nội bộ, báo cáo xác nhận hoàn thành].*

### **6.3. Chất lượng sản phẩm:**

*[Nêu nội dung kết luận của Bên B về chất lượng sản phẩm giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt đã được Bên B nghiệm thu, báo cáo xác nhận hoàn thành]*

## **IV. Kết luận nghiệm thu:**

1. Sự đầy đủ, phù hợp của hồ sơ, tài liệu nghiệm thu: .....

2. Đồng ý/ không đồng ý xác nhận khối lượng sản phẩm giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường sắt đã được Bên B nghiệm thu, xác nhận hoàn thành: .....

3. Trách nhiệm của Bên B về kết quả nghiệm thu: *[Nêu trách nhiệm của Bên B về kết quả nghiệm thu, xác nhận hoàn thành]*

### **ĐẠI DIỆN BÊN A**

*Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
nếu có)*

### **ĐẠI DIỆN BÊN B**

*Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
nếu có)*

**Phụ lục V**  
**BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ KẾT QUẢ THỰC HIỆN BẢO TRÌ**  
**CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày /12/2024 của Bộ*  
*trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(TÊN ĐƠN VỊ)

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: ...../BC-.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ KẾT QUẢ THỰC HIỆN BẢO TRÌ KẾT**  
**CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

*(Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm /năm...)*

Kính gửi:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Đường sắt Việt Nam.

**1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (đồng)	Thời gian thực hiện	Mức độ hoàn thành (%)
1	Bảo dưỡng công trình đường sắt					
1.1	Tuyến đường sắt ... (từ Km... đến Km...)					
...	...					
2	Sửa chữa công trình đường sắt					
2.1	Công trình...					
...	...					
3	Nhiệm vụ khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt					
3.1	Nhiệm vụ...					
...	...					
4	Công tác khác					
4.1	Công tác...					
...	...					

**2. Đề xuất, kiến nghị:**

a) Đề xuất: .....

b) Kiến nghị: .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Ký tên, đóng dấu)*